BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TIN TUẦN

"Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp"

(Từ 27/04/2021 đến 03/05/2021)

I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần từ ngày 27/04/2021 đến 03/05/2021

1. Vị trí giám sát

TT	Tên vị trí giám sát	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí giám sát
1	Cống Như Trác	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.
2	Cống Hữu Bị	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.
3	Cống Cốc Thành	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.
4	Cống sông Chanh	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.
5	Cống Nhâm Tràng	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.
6	Cống Kinh Thanh	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm
7	Cống Cổ Đam	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên
8	Cống Vĩnh Trị	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản
9	Đầu kênh T3	Kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, đổ vào kênh lấy nước trạm bơm Cốc Thành.
10	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.
12	Đập An Bài (sông	Sông Châu	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới

TT	Tên vị trí giám sát	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí giám sát
	Châu Giang)	Giang	tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.
13	TB triệu Xá (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.
14	Đập La Chợ	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.
15	Đập Biên Hòa	Kênh Biên Hòa	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Bình Lục.
16	Đập Vùa (CG12)	Kênh Vùa	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kênh Kinh Thủy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	Kênh C19	Kiểm tra chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện
20	Đầu kênh T6	Kênh T6	Kiểm tra chất lượng nước kênh T6 trước khi đổ vào sông Tiên Hương

BẢN ĐỒ GIÁM SÁT CLN HỆ THỐNG CTTL BẮC NAM HÀ NĂM 2021

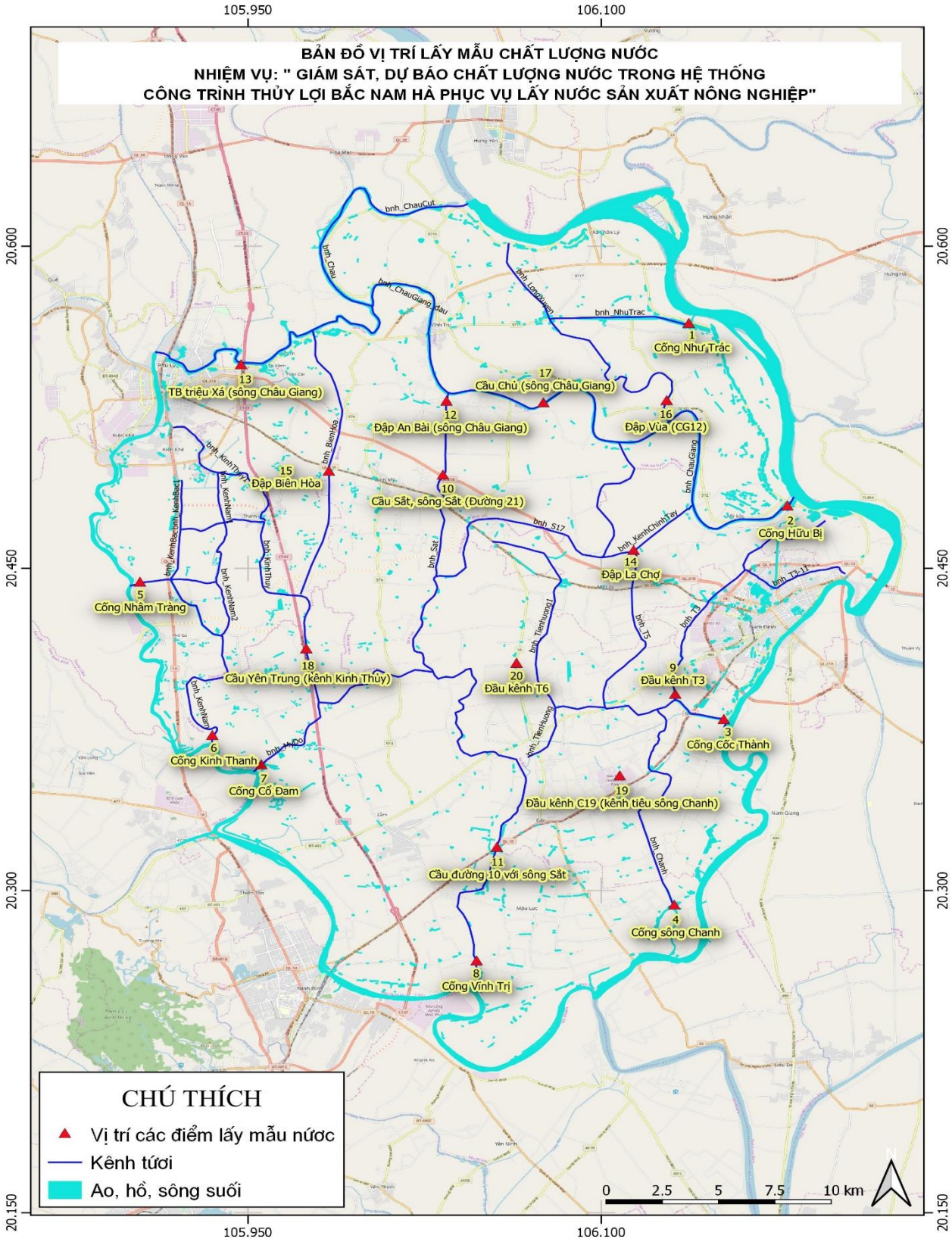

2. Thông tin lúc giám sát

Trong thời gian từ 27/04/2021 – 03/05/2021 không thực hiện giám sát

3. Kết quả đo đạc

Do không khảo sát nên không có kết quả để đánh giá, so sánh với tuần trước và cùng kỳ năm trước

II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 27/04/2021 đến 03/05/2021

1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

Dự báo tuần tới vùng Trung du và Đồng bằng Bắc bộ các trạm có mưa đến mưa vừa lượng mưa dao động từ 33-96mm.

Mực nước TB hiện tại tại Phủ Lý có xu thế giảm so với TBNN cùng thời kỳ, tại Nam Định có xu thế giảm.

Bảng 1: LƯỢNG MƯA TẠI MỘT SỐ TRẠM TRONG VÙNG

TT	Trạm	Tỉnh	Sông	Lượng mưa tuần trước (mm)	Lượng mưa lũy tích từ tháng VI/2020 (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo từ 27/04 đến 03/05/2021
						TBNN	2020	2019	
1	Nam Định	Nam Định	Đào	40,5	1378	-6	+16	-14	48,3
2	Phủ Lý	Hà Nam	Đáy	12,0	1375	-15	-20	-33	46,2

Bảng 2: NGUỒN NƯỚC TẠI CỐNG, TRẠM BƠM

TT	Tên công trình	Mực nước thiết kế (m)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Mực nước dự báo tuần tới: (m)			Ghi chú
				Dự báo MNTB so với TK (+/-: m)	Khả năng cấp nước của công trình	Diện tích bảo đảm tưới (ha)	
1	TB. Như Trác	1,1	7512	0,6	100,0	7512	Giảm
2	TB. Hữu Bị	0,8	7501	0,6	100,0	7501	Giảm
3	TB. Cốc Thành	0,8	8536	0,5	100,0	8536	Giảm
4	TB. Cổ Đam	0,8	9651	0,5	100,0	9651	Giảm
5	TB. Nhâm Tràng	0,9	4415	0,5	100,0	4415	Giảm
6	TB. Vĩnh Trị	0,8		0,4			Giảm

2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

DO								B1-QCVN 08-2015
Vị trí	Tuần dự báo							
	27/04	28/04	29/04	30/04	01/05	02/05	03/05	
Cống Như Trác	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	≥ 4
Cống Hữu Bị	6,719	6,731	6,739	6,743	6,747	6,748	6,749	≥ 4
Cống Cốc Thành	4,751	4,733	4,725	4,720	4,717	4,714	4,713	≥ 4
Cống sông Chanh	3,658	3,634	3,621	3,612	3,606	3,601	3,598	≥ 4
Cống Nhâm Tràng	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	≥ 4
Cống Kinh Thanh	5,721	5,740	5,755	5,768	5,778	5,786	5,791	≥ 4
Cống Cổ Đam	5,887	5,867	5,843	5,816	5,785	5,753	5,720	≥ 4
Cống Vĩnh Trị	4,945	4,952	4,959	4,966	4,973	4,980	4,986	≥ 4
Đầu kênh T3	5,334	5,153	5,057	4,993	4,948	4,914	4,889	≥ 4
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	6,055	6,045	6,027	6,006	5,984	5,962	5,940	≥ 4
Cầu đường 10 với sông Sắt	5,035	5,042	5,047	5,052	5,056	5,060	5,063	≥ 4
Đập An Bài (sông Châu Giang)	6,451	6,451	6,451	6,451	6,451	6,451	6,451	≥ 4
TB triệu Xá (sông Châu Giang)	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	≥ 4
Đập La Chợ	6,673	6,671	6,669	6,665	6,661	6,656	6,651	≥ 4
Đập Biên Hòa	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	≥ 4
Đập Vùa (CG12)	6,843	6,834	6,825	6,817	6,810	6,804	6,799	≥ 4
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	6,621	6,617	6,615	6,613	6,611	6,609	6,607	≥ 4
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	5,765	5,702	5,639	5,582	5,536	5,501	5,475	≥ 4
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	4,959	4,701	4,485	4,324	4,207	4,123	4,064	≥ 4
Đầu kênh T6	4,830	4,785	4,765	4,753	4,744	4,737	4,733	≥ 4

NO_3^-								B1-QCVN 08-2015
Vị trí	**Tuần dự báo**							
	27/04	**28/04**	**29/04**	**30/04**	**01/05**	**02/05**	**03/05**	
Cống Như Trác	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	**≤ 10**
Cống Hữu Bị	1,180	1,160	1,149	1,143	1,140	1,139	1,140	**≤ 10**
Cống Cốc Thành	1,190	1,181	1,182	1,186	1,190	1,193	1,196	**≤ 10**
Cống sông Chanh	8,985	9,048	9,085	9,107	9,123	9,133	9,140	**≤ 10**
Cống Nhâm Tràng	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	**≤ 10**
Cống Kinh Thanh	3,859	3,816	3,785	3,762	3,750	3,749	3,762	**≤ 10**
Cống Cổ Đam	3,711	3,819	3,947	4,103	4,287	4,493	4,714	**≤ 10**
Cống Vĩnh Trị	3,712	3,722	3,732	3,742	3,753	3,765	3,776	**≤ 10**
Đầu kênh T3	2,366	2,319	2,357	2,417	2,475	2,524	2,564	**≤ 10**
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	2,571	2,610	2,659	2,710	2,762	2,814	2,865	**≤ 10**
Cầu đường 10 với sông Sắt	3,650	3,663	3,677	3,692	3,706	3,721	3,735	**≤ 10**
Đập An Bài (sông Châu Giang)	1,870	1,870	1,870	1,870	1,870	1,870	1,870	**≤ 10**
TB triệu Xá (sông Châu Giang)	1,270	1,270	1,270	1,270	1,270	1,270	1,270	**≤ 10**
Đập La Chợ	1,444	1,451	1,459	1,468	1,479	1,491	1,504	**≤ 10**
Đập Biên Hòa	0,799	0,799	0,799	0,799	0,799	0,799	0,799	**≤ 10**
Đập Vùa (CG12)	0,879	0,904	0,927	0,948	0,966	0,983	0,997	**≤ 10**
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	1,507	1,520	1,532	1,544	1,554	1,565	1,575	**≤ 10**
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	4,620	4,983	5,388	5,776	6,126	6,437	6,716	**≤ 10**
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	5,749	6,182	6,599	6,932	7,181	7,361	7,491	**≤ 10**
Đầu kênh T6	1,334	1,313	1,316	1,326	1,336	1,345	1,352	**≤ 10**

Vị trí	BOD_5							B1-QCVN 08-2015
	Tuần dự báo							
	27/04	28/04	29/04	30/04	01/05	02/05	03/05	
Cống Như Trác	7,500	7,500	7,500	7,500	7,500	7,500	7,500	≤ 15
Cống Hữu Bị	6,041	6,040	6,041	6,047	6,058	6,075	6,098	≤ 15
Cống Cốc Thành	7,594	7,600	7,603	7,606	7,608	7,609	7,610	≤ 15
Cống sông Chanh	12,309	12,325	12,334	12,340	12,345	12,348	12,350	≤ 15
Cống Nhâm Tràng	7,500	7,500	7,500	7,500	7,500	7,500	7,500	≤ 15
Cống Kinh Thanh	13,544	13,447	13,368	13,303	13,255	13,224	13,210	≤ 15
Cống Cổ Đam	12,682	12,835	13,002	13,179	13,361	13,545	13,726	≤ 15
Cống Vĩnh Trị	17,493	17,515	17,535	17,555	17,577	17,600	17,626	≤ 15
Đầu kênh T3	8,854	8,921	8,967	9,001	9,026	9,046	9,063	≤ 15
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	11,925	12,064	12,245	12,442	12,645	12,850	13,055	≤ 15
Cầu đường 10 với sông Sắt	17,098	17,124	17,156	17,192	17,230	17,271	17,314	≤ 15
Đập An Bài (sông Châu Giang)	9,392	9,392	9,392	9,392	9,392	9,392	9,392	≤ 15
TB triệu Xá (sông Châu Giang)	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	≤ 15
Đập La Chợ	7,365	7,398	7,433	7,475	7,523	7,575	7,631	≤ 15
Đập Biên Hòa	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	≤ 15
Đập Vùa (CG12)	5,100	5,199	5,302	5,396	5,482	5,560	5,631	≤ 15
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	7,885	7,950	8,012	8,068	8,122	8,175	8,228	≤ 15
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	13,123	13,443	13,713	13,938	14,124	14,280	14,412	≤ 15
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	11,668	11,835	11,974	12,079	12,155	12,210	12,249	≤ 15
Đầu kênh T6	7,747	7,760	7,770	7,776	7,781	7,785	7,788	≤ 15

NH_4^+								B1-QCVN 08-2015
Vị trí	**Tuần dự báo**							
	27/04	**28/04**	**29/04**	**30/04**	**01/05**	**02/05**	**03/05**	
Cống Như Trác	0,200	0,200	0,200	0,200	0,200	0,200	0,200	**≤ 0,9**
Cống Hữu Bị	0,339	0,338	0,338	0,338	0,339	0,341	0,343	**≤ 0,9**
Cống Cốc Thành	1,067	1,072	1,075	1,077	1,079	1,080	1,081	**≤ 0,9**
Cống sông Chanh	1,574	1,592	1,603	1,609	1,614	1,617	1,619	**≤ 0,9**
Cống Nhâm Tràng	0,200	0,200	0,200	0,200	0,200	0,200	0,200	**≤ 0,9**
Cống Kinh Thanh	1,008	1,004	1,001	0,998	0,997	0,996	0,997	**≤ 0,9**
Cống Cổ Đam	0,944	0,958	0,973	0,989	1,005	1,021	1,036	**≤ 0,9**
Cống Vĩnh Trị	1,319	1,323	1,327	1,330	1,334	1,338	1,342	**≤ 0,9**
Đầu kênh T3	0,906	0,960	0,998	1,030	1,055	1,075	1,091	**≤ 0,9**
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	0,871	0,885	0,903	0,922	0,941	0,961	0,981	**≤ 0,9**
Cầu đường 10 với sông Sắt	1,291	1,295	1,299	1,305	1,310	1,315	1,321	**≤ 0,9**
Đập An Bài (sông Châu Giang)	0,628	0,628	0,628	0,628	0,628	0,628	0,628	**≤ 0,9**
TB triệu Xá (sông Châu Giang)	0,140	0,140	0,140	0,140	0,140	0,140	0,140	**≤ 0,9**
Đập La Chợ	0,466	0,470	0,474	0,478	0,483	0,489	0,494	**≤ 0,9**
Đập Biên Hòa	0,760	0,760	0,760	0,760	0,760	0,760	0,760	**≤ 0,9**
Đập Vùa (CG12)	0,253	0,262	0,272	0,280	0,289	0,296	0,303	**≤ 0,9**
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	0,494	0,500	0,505	0,510	0,515	0,519	0,524	**≤ 0,9**
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	0,976	1,001	1,021	1,038	1,051	1,063	1,073	**≤ 0,9**
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	0,864	1,023	1,165	1,275	1,356	1,414	1,456	**≤ 0,9**
Đầu kênh T6	1,046	1,059	1,066	1,072	1,076	1,080	1,083	**≤ 0,9**

Kết quả dự báo DO trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ vị trí Cống Sông Chanh.

Kết quả dự báo NO_3^- trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT.

Các vị trí có hàm lượng BOD_5 trong kỳ dự báo vượt quá giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT như Cống Vĩnh Trị, Cầu đường 10, TB Triệu Xá.

Các vị trí có hàm lượng NH_4^+ trong kỳ dự báo vượt quá giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT là Cống Cốc Thành, Sông Chanh, Kinh Thanh, Cổ Đam, Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cầu Sắt, Cầu đường 10, Đầu Kênh T6.

III. Các đề xuất, kiến nghị

1. Nhận xét

Chất lượng nước hệ thống Bắc Nam Hà trong thời đoạn dự báo có nhiều vị trí vượt quá giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT hơn tuần trước.

2. Đề xuất.

Tiếp tục tận dụng triều để trao đổi nước sông và trong hệ thống, tăng cường vận hành các cống để đưa nước vào hệ thống.

3. Dự báo chung.

Với dự báo lượng mưa và mực nước như dự báo ở trên thì mức độ ô nhiễm chất lượng nước trong HTCTTL Bắc Nam Hà sẽ tăng. Hàm lượng các thông số như BOD_5, NH_4^+, NO_3^- sẽ có xu hướng tăng, hàm lượng Oxy hòa tan trong nước DO sẽ có xu hướng giảm./.

Nơi nhận:

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

- Tổng cục Thủy lợi;
- Viện kỹ thuật TNN;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Thủy lợi Bắc Nam Hà;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.